

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)

Ngày 18-7, Hội nghị Giơnevơ bước sang phiên họp thứ 23. Xuất phát từ điều kiện cụ thể cuộc kháng chiến của ta, cũng như so sánh lực lượng giữa ta và Pháp trong cuộc chiến tranh và xu thế chung của thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng; đồng thời căn cứ vào thực trạng mối quan hệ giữa các nước lớn tham dự Hội nghị, quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc lúc đó, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải chấp nhận kí Hiệp định Giơnevơ.

2- Hiệp định Giơnevơ

Sau 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp hẹp rất gay go và phức tạp, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương đã kết thúc. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí kết, gồm các văn kiện sau đây:

- 1- Bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam
- 2- Bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Lào
- 3- Bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Campuchia
- 4- Bản Tuyên bố cuối cùng

5- Các phụ bản khác...

Bản Tuyên bố cuối cùng về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương gồm 13 điều:

- 1- Xác nhận những văn bản Hiệp định về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, ở Lào, ở Campuchia và tổ chức kiểm soát quốc tế.
- 2- Khẳng định sự hài lòng của các bên tham gia Hội nghị về việc chấm dứt chiến sự ở các nước Đông Dương.
- 3- Xác nhận những lời tuyên bố của Chính phủ Vương quốc Campuchia và của Chính phủ Vương quốc Lào về cuộc tổng tuyển cử sắp tới. "Cuộc tổng tuyển cử này sẽ tiến hành trong năm 1955 căn cứ vào niên pháp của mỗi nước, theo phương pháp bỏ phiếu kín và trong sự tôn trọng những quyền tự do căn bản".
- 4- Xác nhận những điều khoản trong Hiệp định đình chỉ chiến sự ở ba nước về việc cấm đem quân đội và nhân viên quân sự nước ngoài vào các nước Đông Dương.
- 5- Xác nhận những điều khoản trong Hiệp định đình chỉ chiến sự cấm việc đặt căn cứ quân sự nước ngoài ở Đông Dương và việc các nước Đông Dương tham gia các liên minh quân sự với nước ngoài.
- 6- Quy định lấy vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời ở Việt Nam. "Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay về lãnh thổ...".

7- Khẳng định các bên tham gia Hội nghị thừa nhận về nguyên tắc sự độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, việc hiệp thương giữa hai miền bắt đầu từ ngày 20-7-1955 và "cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7-1956, dưới sự kiểm soát của một ban quốc tế gồm đại biểu những nước có

chân trong Ban giám sát và kiểm soát quốc tế .

8- Cam kết tôn trọng quyền tự do lựa chọn nơi sinh sống của nhân dân trong mỗi nước.

9- Quy định "Những nhà đương cục có thẩm quyền ở vùng Bắc và vùng Nam Việt Nam, cũng như ở Lào và Cao Miên không được dung thứ những hành động báo thù cá nhân hoặc tập thể đối với những người đã hợp tác... với một trong hai bên trong thời gian chiến tranh, hoặc đối với gia đình những người đó".

10- Chứng nhận lời tuyên bố của Chính phủ Pháp "sẵn sàng rút quân đội Pháp khỏi lãnh thổ Cao Miên, Lào và Việt Nam theo lời yêu cầu của những Chính phủ có liên quan và trong một thời hạn do các bên thoả thuận..." .

11- Chứng nhận lời tuyên bố của Chính phủ Pháp cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia.

12- Quy định những nguyên tắc trong quan hệ với ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia: "... mỗi nước tham gia Hội nghị Giơnevơ cam kết tôn

trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của những nước trên và tuyệt đối không can thiệp vào nội trị của những nước đó".

13- Quy định những biện pháp cần thiết để đảm bảo việc tôn trọng Hiệp nghị: "Các nước tham gia Hội nghị Gionevơ thoả thuận sẽ hỏi ý kiến nhau về mọi vấn đề do Ban giám sát và kiểm soát quốc tế chuyển tới, nhằm nghiên cứu những biện pháp tỏ ra cần thiết để đảm bảo sự tôn trọng những Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Cao Miên, Lào và Việt Nam"

Bản Tuyên bố cuối cùng được tám đoàn trong số chín đoàn tham gia Hội nghị kí kết; riêng đoàn Mĩ không kí, mà chỉ ra tuyên bố riêng công nhận. Hành động này của Mĩ một mặt biểu hiện sự phản ứng đối với kết quả Hội nghị, một mặt có ý đồ dọn đường sẵn cho việc phá hoại Hiệp định, hất cẳng Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mĩ . Hiệp định Gionevơ không phản ánh đầy đủ những thắng lợi của nhân dân ta trên chiến trường và cũng không phản ánh đúng khả năng cách mạng ba nước Đông Dương sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Với giải pháp Gionevơ, Việt Nam mới giải phóng được một nửa đất nước; vùng giải phóng Lào chỉ còn lại hai tỉnh (Sầm Nưa và Phong Xa Lì); Campuchia không còn vùng giải phóng, nên lực lượng vũ trang phải giải ngũ tại chỗ.

Mặc dù còn có những hạn chế, nhưng với việc kí kết Hiệp định

Gionevo, "chúng ta đã thu được một thắng lợi ngoại giao lớn ". Cùng với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Gionevo đã kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có Mỹ giúp sức ở Đông Dương kéo dài trong gần 9 năm. Âm mưu của đế quốc Mỹ định kéo dài, mở rộng và quốc tế hoá cuộc chiến tranh Đông Dương hoàn toàn bị đập tan. Hiệp định Gionevo về Đông Dương là một văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Đông Dương là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Với Hiệp định Gionevo, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành chỗ dựa vững chắc cho cuộc cách mạng giải phóng miền Nam và đấu tranh thống nhất nước nhà. "Việc lập lại hoà bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc Việt Nam đặt cơ sở pháp lí cho việc thống nhất nước ta là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta, đồng thời cũng là thắng lợi của phe xã hội chủ nghĩa, hoà bình và dân chủ trên thế giới. Nó phản ánh tình hình lực lượng so sánh ở Đông Dương và trên thế giới lúc bấy giờ. Thắng lợi to lớn đó không những tạo ra khả năng thực tế để thực hiện hoà bình thống nhất đất nước ta trên cơ sở độc lập và dân chủ, mà còn tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cách mạng ở miền Bắc tiến lên một giai đoạn mới" .

Thắng lợi và hạn chế của giải pháp Gionevo đối với Việt Nam cũng phản ánh tương quan lực lượng giữa các nước lớn trên trường quốc tế,

phản ánh tính phức tạp về ý đồ chiến lược của các bạn đồng minh của chúng ta trong qua trình đàm phán.

IV- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp từ (1945 - 1954)

1- Ý nghĩa lịch sử

Kể từ ngày 23-9-1945, khi nhân dân Nam Bộ với các loại vũ khí thô sơ đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược Pháp, đến ngày Hiệp định Giơnevơ được kí kết 21-7-1954, cuộc kháng chiến của nhân dân ta kéo dài gần 9 năm. Dù phải đương đầu với một lực lượng rất lớn về người và của, với một trình độ hiện đại về khoa học kĩ thuật của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, quân và dân ta đã giành thắng lợi vẻ vang: Loại khỏi vòng chiến đấu trên 57.900 lính Pháp và tay sai; bắn rơi và phá huỷ 435 máy bay; đánh chìm và bắn cháy 603 tàu chiến, ca nô; phá huỷ 344 khẩu pháo, 337 đầu máy xe lửa và 9.292 xe quân sự...

Về phía thực dân Pháp, trong 9 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, vào thời điểm cao nhất (3-1954), chúng đã sử dụng 191 tiểu đoàn 550 máy bay, 26 tiểu đoàn pháo binh, 10 trung đoàn xe tăng và xe bọc thép, 390 tàu chiến và ca nô, tiêu tốn gần 3.000 tỉ phrăng. Chính phủ Pháp dựng lên đổ xuống 20 lần, 7 lần thay đổi Cao uỷ và 8 lần thay đổi Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh ở Đông Dương. Kết thúc cuộc chiến, thực dân Pháp phải cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ba nước Đông Dương, phải rút hết quân

đội ra khỏi miền Bắc nước ta. Lần đầu tiên trong gần một thế kỉ, trên phần nửa đất nước ta sạch bóng quân xâm lược.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ta đã bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, hoàn thành về cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa, trở thành hậu phương vững chắc cho cách mạng giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã đập tan ý chí xâm lược của thực dân Pháp; đồng thời ngăn chặn âm mưu của đế quốc Mĩ định kéo dài, mở rộng và quốc tế hoá cuộc chiến tranh Đông Dương. Thắng lợi của cuộc kháng chiến là thắng lợi của ý chí và quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta vì độc lập, tự do và hoà bình; đồng thời chứng minh đường lối kháng chiến đúng đắn và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài giỏi của Đảng ta. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mĩ còn có ý nghĩa quốc tế rất to lớn. Nó đã giáng một đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, vào mưu đồ đặt ách nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới. Thắng lợi của dân tộc ta có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa

thuộc địa thuộc châu Á, châu Phi và Mĩ La tinh, góp phần làm suy yếu lực lượng đế quốc chủ nghĩa. "Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh; là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới" .

2- Nguyên nhân thắng lợi

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mĩ của nhân dân ta giành được thắng lợi là do nhiều nguyên nhân tạo nên. Trước hết, thắng lợi của kháng chiến là do đường lối chính trị - quân sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm vững nội dung và xu thế phát triển của thời đại, ngay từ đầu, trong chỉ đạo chiến tranh, Đảng ta gắn mục tiêu giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Thực hiện phương châm thêm bạn, bớt thù, Đảng ta đã dùng mọi biện pháp để tập hợp lực lượng, củng cố mối quan hệ với bạn đồng minh, tranh thủ lực lượng trung gian, cô lập kẻ thù chủ yếu. Nhờ có đường lối ấy, không những khối liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương ngày càng được tăng cường, mà mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam, phản đối thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mĩ ngày càng được mở

rộng. Quán triệt quan điểm chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, ngay từ đầu, Đảng ta đã vạch ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh; trong đó, nội dung cơ bản có tính xuyên suốt là toàn dân kháng chiến.

Tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta trong suốt quá trình cách mạng và chiến tranh cách mạng là quan điểm về con người, về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Đánh giá cao vai trò quần chúng nhân dân, trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, Đảng ta xác định đúng đắn vai trò, vị trí của các giai cấp, các giới, các lực lượng, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là vai trò của công nhân và nông dân. Đảng ta coi liên minh công nông là đội quân chủ lực, là lực lượng chủ yếu quyết định thắng lợi của kháng chiến, là nền tảng của khối đoàn kết toàn dân.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, Đảng ta đã tổ chức cả nước thành một mặt trận; mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài. Sức mạnh toàn dân đã đưa cuộc kháng chiến từ không đến có, từ yếu đến mạnh và cuối cùng giành được thắng lợi to lớn, đánh dấu bằng chiến

thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ. Thắng lợi của kháng chiến bắt nguồn từ sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân được Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm xây dựng và vun đắp. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, cùng với Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt

Minh), Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được hình thành và phát triển không chỉ ở vùng tự do, mà cả ở vùng sau lưng địch. Sức mạnh đoàn kết toàn dân càng được tăng cường khi hai Mặt trận Việt Minh và Liên Việt thống nhất thành một mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên - Việt (3-1951). Nhờ đó, chúng ta phá tan âm mưu chia rẽ dân tộc, chia rẽ lương - giáo... của thực dân Pháp, làm thất bại chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của chúng.

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là do ta có lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân sớm được xây dựng và ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đó là đội quân cách mạng từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, luôn luôn gắn bó với nhân dân, được nhân dân tin yêu, đùm bọc, nuôi dưỡng. Chính Na va, trong cuốn hồi kí Đông Dương hấp hối, cũng phải thừa nhận: "Quân đội Việt Minh rất hoạt động vì nó trẻ. Nó là đội quân vững chắc bởi vì nó tuyển mộ trong quảng đại nông dân. . . họ sống với nhân dân, được nhân dân che chở..."

Thắng lợi của cuộc kháng chiến cũng chính là thắng lợi của Đảng ta trong chính sách xây dựng hậu phương. Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin coi hậu phương là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của chiến tranh, Đảng ta sớm đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh về mọi mặt. Hậu phương kháng chiến là một hệ thống căn cứ bao gồm các cơ sở chính trị ở thành

thị và nông thôn, các khu du kích và căn cứ du kích trong vùng tạm bị chiếm, các vùng tự do rộng lớn nằm trên khắp lãnh thổ đất nước. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam, ta đã xây dựng và giữ vững được những vùng tự do rộng lớn, tương đối ổn định, làm hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến. ở Bắc Bộ có vùng rừng núi Việt Bắc, ở Trung Bộ có vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh, Nam - Ngãi - Bình - Phú; ở Nam Bộ có Thủ - Biên, Tây Ninh, Đồng Tháp Mười và Khu 9.

Trong các vùng tự do, nơi có điều kiện thuận lợi, nhân dân ta ra sức xây dựng chế độ mới dân chủ nhân dân trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Đó chính là những nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh to lớn của hậu phương, cho phép huy động đến mức cao nhất và nhiều nhất sự tham gia đóng góp nhân, tài, vật lực của toàn dân vào sự nghiệp kháng chiến, kiến

quốc. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn do ta có sức mạnh của khối đoàn kết chiến đấu ngày càng bền chặt giữa nhân dân ba nước Đông Dương; sức mạnh của sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ ngày càng to lớn từ các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa, trước hết là Trung Quốc, Liên Xô, cũng như nhân dân tiên bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân Pháp.